

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỜI LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 122/2024/ DS – ST

Ngày: 23 -8- 2024

V/v: **T/C** Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỜI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoài Tuyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Thị Kim Sơn**

2. Bà **Huỳnh Thúy Liễu**

- Thư ký Tòa án – Ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Tiên**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thời Lai tham gia phiên tòa:
Ông **Bùi Văn L** - Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thời Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024, về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 411/2024/QĐXXST- DS ngày 15 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Đ.**

Địa chỉ: **Số B N, phường T, quận H, Hà Nội.**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phan Huỳnh Bá H** (Có mặt)

Chức vụ: Chuyên viên QLKH.

Địa chỉ: **Lầu F, Tòa nhà P, số A T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.** Theo văn bản ủy quyền ngày 05/4/2024.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: **Số B, ấp Đ, xã Đ, huyện T, TP ..**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phía nguyên đơn yêu cầu: Buộc bà **Nguyễn Thị Thu thanh t** cho **Ngân hàng TMCP Đ (P)** tổng số tiền: 341,505,161 đồng, trong đó khoản góp lương là: 308,706,090 đồng, bao gồm: 200,927,585 đồng nợ gốc và 107,778,505 đồng nợ lãi; khoản vay thẻ tín dụng là: 32,799,071 đồng (tạm tính đến ngày 26/06/2024). Buộc bà

Nguyễn Thị Thu thanh t phần nợ lãi phát sinh tính theo lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 12/2021/HĐTD/PVB-PGDCDO ngày 02/02/2021 kể từ ngày 27/06/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà **Nguyễn Thị T** không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi quá hạn phát sinh thì **Ngân hàng TMCP Đ** có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thi hành bản án, kê biên, phát mãi các tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của bà **Nguyễn Thị T** để thu hồi nợ cho **Ngân hàng TMCP Đ**.

Đại diện theo ủy quyền của phía nguyên đơn trình bày: Ngày 02/02/2021 bà **Nguyễn Thị T** cùng với **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Phòng G** cùng ký Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 12/2021/HĐTD/PVB-PGDCDO ngày 02/02/2021 như sau: Hợp đồng tín dụng khoản vay góp lương, thời hạn 60 tháng; Mục đích sử dụng vốn vay: Tiêu dùng; Số tiền giải ngân của hai khoản tín dụng là 260.000.000 đồng. Đối với khoản vay góp lương bà **T** đã thanh toán nợ gốc được 30.072.415 đồng, thanh toán nợ lãi được 24.269.271 đồng, tổng cộng là 63.341.686 đồng; Đối với khoản vay thẻ tín dụng: Giao dịch gốc đã trả được 11.443.594 đồng. Dư nợ của khoản vay góp lương tính đến ngày 23/8/2024 nợ gốc: 200.927.585 đồng, nợ lãi trong hạn 60.458.245 đồng; nợ lãi quá hạn là 46.610.506 đồng; phạt chậm trả lãi là 9.769.563 đồng, tổng cộng là 317.765.899 đồng. Dư nợ thẻ tín dụng tính đến ngày: 23.8.2024 là 35.064.469 đồng.

Bà **Nguyễn Thị T** không có mặt theo thông báo và triệu tập của Tòa án, không gửi văn bản nêu ý kiến nên không có lời khai.

Phát biểu ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn là bà **Nguyễn Thị T** được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, đề nghị Tòa án tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. (Có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà **Nguyễn Thị T** đã được Tòa án cấp tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2] Theo đơn khởi kiện và yêu cầu của đương sự. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[3] Phía nguyên đơn là **Ngân hàng TMCP Đ** có đại diện theo ủy quyền là ông **Phan Huỳnh Bá H** yêu cầu cụ thể tại phiên tòa sơ thẩm là yêu cầu bà **Nguyễn Thị T** có trách nhiệm trả cho **Ngân hàng TMCP Đ** số tiền tạm tính đến ngày 23/8/2024 gồm: Dư nợ của khoản vay góp lương, nợ gốc: 200.927.585 đồng, nợ lãi trong hạn 60.458.245 đồng; nợ lãi quá hạn là 46.610.506 đồng; phạt chậm trả lãi là 9.769.563

đồng, tổng cộng là 317.765.899 đồng. Dư nợ thẻ tín dụng là 35.064.469 đồng. Yêu cầu bà Nguyễn Thị T tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh tính theo lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng số 12/2021/HĐTD/PVB-PGDCDO ngày 02/02/2021 kể từ ngày 24/8/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Nguyễn Thị T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi quá hạn phát sinh thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thi hành bản án, kê biên, phát mãi các tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị T để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

[4] Phía nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đ đã cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu liên quan đến số tiền nợ gốc của bà Nguyễn Thị T, mức lãi suất tính theo hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, số nợ vốn gốc, số tiền lãi, phạt chậm trả lãi phải trả tính đến ngày 23/8/2024. Đồng thời phía nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị T tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng đã ký kể kể từ ngày 24/8/2024 cho đến khi bà T trả dứt nợ là có cơ sở nên cần chấp nhận yêu cầu này của phía Ngân hàng TMCP Đ. Riêng bị đơn là bà Nguyễn Thị T không có mặt tham gia phiên giải cũng như phiên tòa xét xử công khai là nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ nên cần buộc bà Nguyễn Thị T phải trả nợ theo yêu cầu của phía nguyên đơn là đúng thực tế.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Cần buộc bà Nguyễn Thị Thu c nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 26, 35, 91, 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 91, 94 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ phát sinh từ Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng số 12/2021/HĐTD/PVB-PGDCDO ngày 02/02/2021 tính đến ngày 23/8/2024 là 352.830.368 đồng. Trong đó dư nợ của khoản vay góp lương: Nợ gốc: 200.927.585 đồng, nợ lãi trong hạn 60.458.245 đồng; nợ lãi quá hạn là 46.610.506 đồng; phạt chậm trả lãi là 9.769.563 đồng. Dư nợ thẻ tín dụng là 35.064.469 đồng.

Kể từ ngày 24/8/2024 đối với số tiền nợ gốc chưa trả, thì bên phải thi hành án còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất được thỏa thuận theo Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng số 12/2021/HĐTD/PVB-PGDCDO ngày 02/02/2021 nhưng không được vượt quá 150% lãi suất cho vay của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán cho đến khi thi hành án xong.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Nguyễn Thị T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi quá hạn phát sinh thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền thi hành bản án, kê biên, phát mãi các tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị T để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm nộp 17.641.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại số tiền 8.122.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007701 ngày 10/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, tổng đạt hợp lệ bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã, phường nơi đương sự cư trú để Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND huyện Thới Lai;
- CC THADS huyện Thới Lai;
- Đương sự;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Hoài Tuyên